

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 02 – 2025

Về: “tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Ông Lê Văn Phụng ;

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 646/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà Đinh Thị S, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa ông V, bà S cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2024 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, ông Phạm Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà Đinh Thị S được hình thành là do hai người tự tìm hiểu, cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 1995, từ đó đến nay hai người chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà S đam mê cờ bạc, bỏ bê gia đình không lo làm ăn, ông khuyên ngăn nhưng bà không nghe vẫn đến gây cãi và ly thân nhau từ năm 2020 đến nay, trong thời

gian ly thân gia đình hàn gắn nhưng không thành. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà S.

Về quan hệ con chung: Ông với bà S có 02 con chung: 1/ Phạm Quốc H, sinh ngày 16/9/1996; 2/ Phạm Mai T, sinh ngày 07/9/2013. Hiện H đã trưởng thành và sống tự lập ông không yêu cầu giải quyết. Riêng cháu T đang sống với bà S, khi ly hôn ông đồng ý giao cháu T cho bà S tiếp tục nuôi, ông xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà S tự thỏa thuận.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà S không có nợ chung.

Bị đơn bà Đinh Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông V được hình thành đúng như ông V trình bày, từ trước đến nay hai người vẫn chưa đăng ký kết hôn, nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong chi tiêu cũng như việc nuôi dạy con chung nên thường xuyên xảy ra gây cãi dẫn đến ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Nay bà xét thấy nếu trở lại chung sống cũng không hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông V.

Về quan hệ con chung: Đúng là bà với ông V có 02 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như ông V trình bày. Khi ly hôn bà không yêu cầu giải quyết đối với Phạm Quốc H; riêng cháu Phạm Mai T bà đồng ý tiếp tục nuôi và bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của ông Phạm Văn V.

Tại phiên tòa, ông V – bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông V – bà S chung sống nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn, nên đề nghị HĐXX tuyên không công nhận ông V – bà S là quan hệ vợ chồng; về quan hệ con chung, Phạm Quốc H đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu nên không xem xét, riêng cháu Phạm Mai T có ý nguyện sống với mẹ được bà S đồng ý, đề nghị HĐXX công nhận; về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục*: Ông Phạm Văn V và bà Đinh Thị S cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, HĐXX xét xử vắng mặt ông V, bà S theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thẩm*: Ông V khởi kiện ly hôn với bà S là thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà S có địa chỉ cư trú tại huyện C, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giải quyết theo thẩm quyền.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa ông V – bà S được hình thành là do hai người tự tìm hiểu và chung sống nhau từ năm 1995; lẽ ra ông V – bà S phải tuân thủ pháp luật, đăng lý kết hôn theo quy định, nhưng giai đoạn hòa giải cả ông V – bà S cùng trình bày từ trước đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Trình bày của ông V – bà S phù hợp với kết quả xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 20/01/2025, nơi ông V đăng ký hộ khẩu, nên HĐXX áp dụng Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên không công nhận ông Phạm Văn V và bà Đinh Thị S là quan hệ vợ chồng.

[4]. *Về quan hệ con chung*: Ông V – bà S thống nhất có hai con chung: Phạm Quốc H đã trưởng thành và sống tự lập, ông bà không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Riêng cháu Phạm Mai T, từ trước đến nay chung sống với bà S, tình cảm giữa cháu T với bà S thật sự gắn bó, ý nguyện của cháu T sau khi cha mẹ ly hôn được tiếp tục sống với mẹ. Để không xáo trộn về tâm sinh lý cũng như tạo điều kiện cho cháu T phát triển tốt về sau, HĐXX công nhận thỏa thuận cho bà S tiếp tục nuôi cháu T.

Thông qua bản án, HĐXX giải thích cho bà S biết: Trong thời gian nuôi con, bà S cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà S không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Ông V – bà S tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu giải quyết; nợ chung khai không có, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Ông Phạm Văn V là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn V.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Văn V với bà Đinh Thị S là quan hệ vợ chồng;

Về quan hệ con chung: Ông Phạm Văn V với bà Phạm Thị S1 có 02 con chung: 1/ Phạm Quốc H, sinh ngày 16/9/1996; 2/ Phạm Mai T, sinh ngày 07/9/2013.

Bà Đinh Thị S tiếp tục nuôi Phạm Mai T. Công nhận tự nguyện của bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Phạm Văn V đã trưởng thành và sống tự lập, ông V – bà S không yêu cầu giải quyết.

Bà S cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông ViệtUnHU2ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông V – bà S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ nợ chung: Ông V – bà S khai không có nợ chung.

Về án phí: Ông Phạm Văn V phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023410 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (ông V nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/02/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAT;

- VKS huyện Chợ Mới;
- THADS Chợ Mới đề thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- [vp.](#)

Lê Văn Huệ